THÔNG TIN
Tuyển sinh đại học chính quy năm 2025

Trường Đại học Văn Hiến thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2025 như sau:

1. Đối tượng: Thí sinh đang học lớp 12 hoặc đã tốt nghiệp THPT.

2. Phạm vi: Thí sinh trong cả nước.

3. Phương thức :

Phương thức 1: Xét tuyển bằng điểm thi tốt nghiệp THPT 2025.

Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả học tập THPT.

Phương thức 3: Xét tuyển theo điểm thi đánh giá năng lực ĐHQG Tp. HCM, ĐHQG Hà Nội.

Phương thức 4: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

Phương thức 5: Xét tuyển kết hợp thi tuyển các ngành Thanh nhạc; Piano; Đạo diễn điện ảnh, truyền hình; Công nghệ điện ảnh, truyền hình

4. Ngành/Tổ hợp môn

Stt	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn dự kiến
1.	**Quản trị kinh doanh** - *Quản trị kinh doanh tổng hợp* - *Quản trị dự án*	7340101	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
2.	**Marketing** - *Marketing truyền thông* - *Quản trị Marketing* - *Digital Marketing*	7340115	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
3.	**Kinh doanh thương mại** - *Kinh doanh thương mại*	7340121	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
4.	**Thương mại điện tử** - *Thương mại điện tử*	7340122	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
5.	**Quản trị nhân lực** - *Quản trị nhân lực*	7340404	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
6.	**Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng** - *Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng*	7510605	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh

Stt	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn dự kiến
7.	**Kinh tế** - *Kinh doanh quốc tế* - *Kinh tế số*	7310101	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
8.	**Tài chính - Ngân hàng** - *Tài chính doanh nghiệp* - *Tài chính ngân hàng*	7340201	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
9.	**Công nghệ tài chính** - *Công nghệ tài chính*	7340205	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
10.	**Kế toán** - *Kế toán*	7340301	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
11.	**Kiểm toán** - *Kiểm toán*	7340302	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh C02: Toán, Văn Hóa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
12.	**Luật** - *Luật dân sự* - *Luật thương mại quốc tế* - *Luật tài chính ngân hàng*	7380101	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
13.	**Luật Kinh tế** - *Luật Kinh tế*	7380107	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
14.	**Công nghệ sinh học** - *Công nghệ sinh học y sinh* - *Công nghệ sinh học nông nghiệp (vật nuôi, thủy sản, cây trồng)*	7420201	A00: Toán, Lý, Hóa A02: Toán, Lý, Sinh B00: Toán, Hóa, Sinh D07: Toán, Hóa, Tiếng Anh
15.	**Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông** - *Kỹ thuật Điện tử - viễn thông* - *Hệ thống nhúng và loT* - *Thiết kế vi mạch*	7520207	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh C01: Toán, Lý, Văn D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
16.	**Kỹ thuật môi trường** - *Kỹ thuật môi trường*	7520320	A00: Toán, Lý, Hóa A02: Toán, Lý, Sinh B00: Toán, Hóa, Sinh D07: Toán, Hóa, Tiếng Anh
17.	**Công nghệ thực phẩm** - *Công nghệ thực phẩm* - *Công nghệ chế biến thực phẩm*	7540101	A00: Toán, Lý, Hóa A02: Toán, Lý, Sinh B00: Toán, Hóa, Sinh D07: Toán, Hóa, Tiếng Anh

Stt	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn dự kiến
18.	**Kỹ thuật xây dựng** - *Kỹ thuật xây dựng*	7580201	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh C01: Toán, Lý, Văn D07: Toán, Hóa, Tiếng Anh
19.	**Khoa học máy tính** - *Khoa học dữ liệu* - *Hệ thống thông tin*	7480101	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh K01: Toán, Tiếng Anh, Tin học D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
20.	**Công nghệ thông tin** - *Thiết kế đồ họa/ game/ Multimedia* - *Công nghệ phần mềm*	7480201	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh K01: Toán, Tiếng Anh, Tin học D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
21.	**Mạng máy tính và Truyền thông** - *Mạng máy tính và Truyền thông* - *An toàn thông tin*	7480102	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh K01: Toán, Tiếng Anh, Tin học D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
22.	**Điều dưỡng** - *Điều dưỡng*	7720301	B03: Toán, Văn, Sinh C02: Toán, Văn, Hóa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa, Tiếng Anh
23.	**Dược học** - *Dược học*	7720201	B03: Toán, Văn, Sinh C02: Toán, Văn, Hóa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D07: Toán, Hóa, Tiếng Anh
24.	**Ngôn ngữ Anh** - *Tiếng Anh thương mại* - *Phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh* - *Tiếng Anh biên - phiên dịch* - *Tiếng Anh quan hệ quốc tế*	7220201	A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D10: Toán, Địa, Tiếng Anh D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
25.	**Ngôn ngữ Pháp** - *Tiếng Pháp thương mại*	7220203	A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D10: Toán, Địa, Tiếng Anh D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
26.	**Ngôn ngữ Trung Quốc** **Liên kết quốc tế Ngôn ngữ Trung Quốc** - *Tiếng Trung thương mại* - *Tiếng Trung biên - phiên dịch*	7220204	A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D10: Toán, Địa, Tiếng Anh D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
27.	**Ngôn ngữ Nhật** - *Tiếng Nhật thương mại* - *Tiếng Nhật giảng dạy* - *Tiếng Nhật biên – phiên dịch*	7220209	A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D10: Toán, Địa, Tiếng Anh D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
28.	**Quan hệ quốc tế** - *Đối ngoại – Hợp tác quốc tế* - *Truyền thông quốc tế*	7310206	A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, tiếng Anh D14: Văn, Sử, Tiếng Anh D15: Văn, Địa Tiếng Anh
29.	**Đông phương học**	7310608	A01: Toán, Lý, Tiếng Anh

Stt	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn dự kiến
	- *Nhật Bản học* - *Hàn Quốc học*		D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C00: Văn, Sử, Địa D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
30.	**Trung Quốc học** - *Trung Quốc học*	7310612	A01: Toán, Lý, Tiếng Anh D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D10: Toán, Địa, Tiếng Anh D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
31.	**Văn học** - *Văn – Quản trị văn phòng* - *Giảng dạy văn học* - *Văn – Truyền thông*	7229030	C00: Văn, Sử, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D14: Văn, Sử, Tiếng Anh D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
32.	**Xã hội học** - *Xã hội học truyền thông đại chúng* - *Xã hội học quản trị nhân sự và tổ chức xã hội*	7310301	A00: Toán, Lý, Hóa C00: Văn, Sử, Địa C04: Toán, Văn, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
33.	**Tâm lý học** - *Tham vấn và trị liệu tâm lý* - *Tham vấn tâm lý và quản trị nhân sự*	7310401	A00: Toán, Lý, Hóa D08: Toán, Sinh, Tiếng Anh D13: Văn, Sinh, Tiếng Anh B03: Toán, Sinh, Văn
34.	**Việt Nam học** - *Việt Nam học*	7310630	C00: Văn, Sử, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D14: Văn, Sử, Tiếng Anh D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
35.	**Quan hệ công chúng** - *Truyền thông và sáng tạo nội dung* - *Tổ chức sự kiện*	7320108	C00: Văn, Sử, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh D14: Văn, Sử, Tiếng Anh D15: Văn, Địa, Tiếng Anh
36.	**Truyền thông đa phương tiện** - *Sản xuất phim và quảng cáo* - *Công nghệ truyền thông*	7320104	A00: Toán, Lý, Hóa A01: Toán, Lý, Tiếng Anh C01: Toán, Lý, Văn D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
37.	**Du lịch** - *Quản trị du lịch* - *Quản trị sự kiện*	7810101	A00: Toán, Lý, Hóa C00: Văn, Sử, Địa C04: Toán, Văn, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
38.	**Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành** - *Quản trị lữ hành* - *Hướng dẫn du lịch*	7810103	A00: Toán, Lý, Hóa C00: Văn, Sử, Địa C04: Toán, Văn, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh
39.	**Quản trị khách sạn** - *Quản trị khách sạn - Khu du lịch*	7810201	A00: Toán, Lý, Hóa C00: Văn, Sử, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa
40.	**Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống** - *Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống*	7810202	A00: Toán, Lý, Hóa C00: Văn, Sử, Địa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh C04: Toán, Văn, Địa
41.	**Đạo diễn điện ảnh, truyền hình** - *Đạo diễn điện ảnh, truyền hình* - *Quay phim*	7210235	A00: Toán, Lý, Hóa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh M20: Ngữ văn, Năng khiếu Ảnh

Stt	Tên ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Tổ hợp môn dự kiến
			báo chí, Vật lý M21: Ngữ văn, Năng khiếu Ảnh báo chí, Lịch sử
42.	**Công nghệ điện ảnh, truyền hình** - *Sản xuất phim điện ảnh – truyền hình* - *Dựng phim* - *Thiết kế mỹ thuật điện ảnh, sân khấu* - *Công nghệ hoạt hình*	7210302	A00: Toán, Lý, Hóa D01: Toán, Văn, Tiếng Anh V00: Toán, Lý, Năng khiếu Vẽ H01: Toán, Văn, Năng khiếu Vẽ
43.	**Thanh nhạc** - *Thanh nhạc thính phòng* - *Thanh nhạc nhạc nhẹ*	7210205	N00: Xét tuyển môn Văn và thi tuyển môn cơ sở ngành và chuyên ngành.
44.	**Piano** - *Piano cổ điển* - *Piano ứng dụng* - *Sản xuất âm nhạc* - *Giảng dạy âm nhạc*	7210208	N00: Xét tuyển môn Văn và thi tuyển môn cơ sở ngành và chuyên ngành.

5. Thông tin khác

Thí sinh cần thông tin tuyển sinh Trường Đại học Văn Hiến vui lòng liên hệ:

- Tổng đài tư vấn tuyển sinh miễn phí: **18001568**; Email: **tuyensinh@vhu.edu.vn**.

- Thông tin tư vấn trực tiếp tại trường:

Cơ sở Harmony Campus, số 624 Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. HCM.

Cơ sở MyU Campus, số 665 - 667 - 669 Điện Biên Phủ, Phường 1, Quận 3, TP. HCM.

- Hoặc đăng ký thông tin online tại địa chỉ http://dangky.vhu.edu.vn để Trường liên hệ tư vấn.

Thông tin khác xem chi tiết về học phí, chính sách học bổng, các hỗ trợ dành cho sinh viên, chương trình đào tạo và cơ sở vật chất của Nhà trường tại website http://ts.vhu.edu.vn